

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh các báo cáo tài chính	12 - 36



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 4 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có hai chi nhánh đặt tại số 24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và Lô 10 Khu dân cư Đầu tuyến Đổng Đa - Lê Lợi - Trần Quý Cáp, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các hiệu thuốc sau:

- Hiệu thuốc số 6 đặt tại số 65 Thuận Kiều, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 7 đặt tại số 90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 4 đặt tại số 68 Cách Mạng Tháng Tám, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 1 đặt tại gian E3, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm tài chính 2013, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu; xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc; kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế; bán lẻ thuốc; dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học; mua bán thiết bị ngành y tế; cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng; mua bán kính đeo mắt.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quê

Ông Cáp Hữu Ánh

Ông Trịnh Đào Cung

Bà Phạm Tố Hà

Chủ tịch

Phó chủ tịch

Thành viên

Thành viên

3767-0
NHÂN
TY TN
W TOÁ
ĐO
HỒ CHÍ M
HỒ C

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Đào Cung
Ông Nguyễn Hải Hà
Ông Trần Cao Sơn
Bà Tô Thị Lệ Thu

Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính
Giám đốc Kinh doanh
Giám đốc Xuất nhập khẩu

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Vinh
Ông Dư Quốc Đông
Ông Lê Văn Thiện

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Sự kiện phát sinh sau niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



LÊ VĂN QUÊ

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2014

Số: YTECO/027.13

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2014, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 7.3 trong Thuyết minh báo cáo tài chính là đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, trong số dư phải thu khách hàng bao gồm số dư nợ phải thu từ Công ty cổ phần dược phẩm Cần Giờ là 27,5 tỷ đồng. Đây là số dư của các khoản phải thu phát sinh từ năm 2009 – 2010 và đã bị quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, trong năm 2013, hai bên đã họp nhiều lần và đi đến thống nhất phương án và lộ trình thu hồi nợ. Dựa trên tình hình thực hiện thực tế và phân tích phương án kế hoạch trả nợ của Công ty cổ phần dược phẩm Cần Giờ, Ban giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản phải thu này là có khả năng thu hồi cho nên không trích lập dự phòng.




NGUYỄN THỊ THANH
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0185-2013-038-1


NGUYỄN THỦY HOA
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0423-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO - CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2014

333765
CHI NH
NG TY
KIỂM T
BDO
TP. HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		613.518.191.018	530.408.074.680
Tiền và tương đương tiền	110	4.1	50.772.947.231	19.769.443.175
Tiền	111		50.772.947.231	19.769.443.175
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		459.410.650.515	424.274.091.720
Phải thu khách hàng	131	4.2	433.997.389.067	383.214.145.903
Trả trước cho người bán	132	4.3	14.930.086.155	32.494.258.825
Các khoản phải thu khác	135	4.4	13.194.581.491	10.249.528.242
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	4.5	(2.711.406.198)	(1.683.841.250)
Hàng tồn kho	140	4.6	95.247.290.030	83.909.361.509
Hàng tồn kho	141		95.423.646.372	84.641.475.487
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(176.356.342)	(732.113.978)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.087.303.242	2.455.178.276
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	181.974.405	359.035.500
Thuế GTGT được khấu trừ	152		119.785.352	300.200.036
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	4.19	420.775.554	8.882.280
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.8	7.364.767.931	1.787.060.460
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.621.333.423	12.076.490.767
Tài sản cố định	220		10.022.864.514	9.454.173.218
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	6.069.989.933	7.276.429.938
Nguyên giá	222		17.234.211.109	18.181.436.647
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.164.221.176)	(10.905.006.709)
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	928.372.916	1.147.201.019
Nguyên giá	228		2.899.828.300	2.941.828.300
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.971.455.384)	(1.794.627.281)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.11	3.024.501.665	1.030.542.261
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.326.000.000	1.326.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.12	1.326.000.000	1.326.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.272.468.909	1.296.317.549
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.13	664.122.190	4.853.093
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.14	494.346.719	1.177.464.456
Tài sản dài hạn khác	268	4.15	114.000.000	114.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		626.139.524.441	542.484.565.447

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		578.705.559.535	499.785.045.352
Nợ ngắn hạn	310		577.741.525.798	498.540.140.352
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.16	179.196.960.024	132.511.609.718
Phải trả người bán	312	4.17	317.448.278.061	284.855.854.024
Người mua trả tiền trước	313	4.18	62.599.944.657	65.751.033.007
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.19	1.207.625.332	3.681.979.756
Phải trả người lao động	315		1.572.829.542	2.700.000
Chi phí phải trả	316	4.20	555.030.130	4.045.422.363
Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.21	15.160.858.052	7.691.541.484
Nợ dài hạn	330		964.033.737	1.244.905.000
Phải trả dài hạn khác	333	4.22	241.000.000	241.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	4.23	723.033.737	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.003.905.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.433.964.906	42.699.520.095
Vốn chủ sở hữu	410	4.24	47.433.964.906	42.699.520.095
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.000.000.000	28.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		7.369.291.628	6.675.782.228
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.800.000.000	2.704.722.887
Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.264.673.278	5.319.014.980
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		626.139.524.441	542.484.565.447

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

<u>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		17.293.920	17.293.920
2. Ngoại tệ các loại			
USD	4.1	327.672,61	92.495,87
EUR	4.1	551,85	534,84




TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng Giám đốc


NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng


PHẠM THANH TUYÊN
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		470.784.310.103	415.428.074.529
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.808.806.811	806.253.618
Doanh thu thuần	10	5.1	467.975.503.292	414.621.820.911
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	5.2	418.787.126.816	361.318.565.511
Lợi nhuận gộp	20		49.188.376.476	53.303.255.400
Doanh thu tài chính	21	5.3	7.254.702.187	8.791.196.711
Chi phí tài chính	22	5.4	14.371.760.560	16.514.173.417
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>14.370.661.462</i>	<i>16.503.623.911</i>
Chi phí bán hàng	24	5.5	16.321.941.303	18.309.778.020
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	17.438.551.784	15.652.618.241
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.310.825.016	11.617.882.433
Thu nhập khác	31	5.7	6.008.033.833	1.816.112.881
Chi phí khác	32		48.530.613	96.351.133
Lợi nhuận khác	40		5.959.503.220	1.719.761.748
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.270.328.236	13.337.644.181
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	3.042.625.739	3.814.321.376
Chi phí / (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	4.14	683.117.737	(383.954.332)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.544.584.760	9.907.277.137
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	3.766	3.538



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

PHẠM THANH TUYỀN
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	14.270.328.236	13.337.644.181
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.460.038.389	1.485.841.525
(Hoàn nhập dự phòng) / Dự phòng	03	(243.713.234)	1.001.924.723
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.717.852.814	684.420.980
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(637.452.604)	(224.154.878)
Chi phí lãi vay	06	14.370.661.462	16.503.623.911
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	30.937.715.063	32.789.300.442
Tăng các khoản phải thu	09	(42.071.617.992)	(39.079.856.890)
(Tăng) / Giảm hàng tồn kho	10	(11.094.215.287)	46.044.945.308
Tăng / (Giảm) các khoản phải trả	11	27.940.698.469	(33.231.368.132)
Tăng chi phí trả trước	12	(151.034.054)	(181.721.152)
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.370.661.462)	(16.503.623.911)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.676.246.176)	(5.268.151.969)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.383.056.611	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.810.791.415)	(3.850.444.538)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.913.096.243)	(19.280.920.842)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm hoặc xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.359.903.633)	(1.234.962.975)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TSDH khác	22	-	3.350.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	637.452.604	221.264.128
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.722.451.029)	(1.010.348.847)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	367.686.835.712	366.678.188.883
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(320.248.876.606)	(346.837.386.192)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.800.000.000)	(7.280.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	44.637.959.106	12.560.802.691

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Mã số</u>	<u>Năm 2013 VND</u>	<u>Năm 2012 VND</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	31.002.411.834	(7.730.466.998)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.769.443.175	27.459.633.847
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	1.092.222	40.276.326
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	50.772.947.231	19.769.443.175



TRỊNH ĐÀO CUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

PHẠM THANH TUYẾN
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302366480 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 4 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu; xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc; kinh doanh xuất nhập khẩu trang thiết bị, vật tư y tế; bán lẻ thuốc; dịch vụ bảo quản và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; mua bán vắc-xin, sinh phẩm, hóa chất dùng trong phòng thí nghiệm và nghiên cứu khoa học; mua bán thiết bị ngành y tế; cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng; mua bán kính đeo mắt.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có hai chi nhánh đặt tại số 24A1 Khu dân cư 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ và Lô 10 Khu dân cư Đẩu tuyến Đồng Đa - Lê Lợi - Trần Quý Cáp, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Công ty có các hiệu thuốc sau:

- Hiệu thuốc số 6 đặt tại số 65 Thuận Kiều, phường 12, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 7 đặt tại số 90 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 4 đặt tại số 68 Cách Mạng Tháng Tám, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.
- Hiệu thuốc số 1 đặt tại gian E3, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 169 người (31/12/2012: 159 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") và được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

3.2 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài VND được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá thực tế vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc đồng tiền khác với Đồng Việt Nam vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá của ngân hàng giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện đối với khoản nợ quá hạn trên ba năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mức trích lập dự phòng như sau:

- 50% giá trị đối với hàng hóa có hạn sử dụng trên 6 tháng và dưới 12 tháng;
- 100% giá trị đối với hàng hóa có hạn sử dụng dưới 6 tháng, hàng hóa quá hạn sử dụng và hàng hóa chờ thanh lý hoặc kém phẩm chất.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
TSCĐ khác	3 - 10 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 8 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

3.8 Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian như sau:

Chi phí cải tạo	18 - 36 tháng
Dụng cụ văn phòng	18 tháng
Khác	2 năm

3.10 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh.

3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị ước tính các khoản chi phí đã phát sinh và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.13 Công cụ tài chính

(i) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký cược ký quỹ ngắn hạn.

Công nợ tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

(ii) Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành giao dịch. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

3.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái...

3.16 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.17 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Các mặt hàng thuốc và dịch vụ do Công ty kinh doanh chịu thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế TNDN bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế TNDN được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế TNDN liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế TNDN này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

3.19 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, trang thiết bị, vật tư y tế và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

3.20 Các bên liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các bên sau đây được xem là các bên liên quan:

Các bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad Ban Tổng Giám đốc	Công ty liên kết Nhân sự chủ chốt

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt - VND	347.353.661	217.544.747
Tiền gửi ngân hàng	50.425.593.570	19.551.898.428
	50.772.947.231	19.769.443.175

Toàn bộ tài khoản và quyền, quyền sở hữu và lợi ích của Công ty trong tài khoản ngân hàng và mọi số dư trong đó được cầm cố đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem chi tiết ở thuyết minh 4.16)

Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm:

	Ngoại tệ	Tương đương VND
VND		43.500.505.980
USD	327.672,61	6.908.977.103
EUR	551,85	16.110.487
		50.425.593.570

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Bên thứ ba		
Phải thu tiền hàng tự doanh	105.117.894.852	84.647.718.817
Phải thu tiền hàng ủy thác nhập khẩu	328.879.494.215	298.566.427.086
	433.997.389.067	383.214.145.903

Khoản phải thu được cầm cố đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn (xem chi tiết ở thuyết minh 4.16).

Trong số dư các khoản phải thu từ hoạt động ủy thác, khoản phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 27,5 tỷ đồng. Đây là khoản phải thu phát sinh từ năm 2009-2010 và đến nay đã quá hạn thanh toán. Công ty không trích lập dự phòng cho khoản phải thu này sau khi cân nhắc phương án trả nợ của Công ty cổ phần dược phẩm Cần Giờ và dựa trên tình hình thực hiện thực tế (xem thêm chi tiết ở Thuyết minh 7.3).

4.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Ứng trước tiền mua hàng hóa tự doanh	12.772.678.457	22.655.864.664
Ứng trước tiền mua hàng hóa ủy thác	2.157.407.698	9.838.394.161
	14.930.086.155	32.494.258.825

4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Bảo hiểm xã hội	-	511.460.798
Hỗ trợ hoạt động kinh doanh	4.353.566.572	-
Phải thu lãi vay hỗ trợ khách hàng ủy thác	6.454.123.950	5.477.331.878
Chi hộ chi phí hủy hàng, hàng hư hỏng	1.044.572.279	1.510.515.151
Cổ tức của Salenoptic	158.121.819	-
Phải thu khác	1.184.196.871	2.750.220.415
	13.194.581.491	10.249.528.242

4.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	1.683.841.250	1.237.896.520
Dự phòng trong năm	1.027.564.948	445.944.730
Số dư cuối năm	2.711.406.198	1.683.841.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	25.854.545	-
Hàng hóa	95.397.791.827	84.641.475.487
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>95.423.646.372</u>	<u>84.641.475.487</u>
Trừ :-		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(176.356.342)	(732.113.978)
	<u>95.247.290.030</u>	<u>83.909.361.509</u>
	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:		
Số dư đầu năm	732.113.978	197.618.795
Dự phòng trong năm	(243.713.234)	555.979.993
Sử dụng dự phòng	(312.044.402)	(21.484.810)
Số dư cuối năm	<u>176.356.342</u>	<u>732.113.978</u>

Hàng tồn kho là dược phẩm, dược liệu, hóa chất, y dụng cụ các loại được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (xem chi tiết ở thuyết minh 4.16).

4.7 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	137.132.497	-
Đồng phục	-	256.035.500
Công cụ dụng cụ	2.841.908	-
Chi phí thuê	42.000.000	103.000.000
	<u>181.974.405</u>	<u>359.035.500</u>

4.8 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	4.468.605.909	-
Tạm ứng	317.302.832	499.697.388
Ký quỹ	2.578.859.190	1.287.363.072
	<u>7.364.767.931</u>	<u>1.787.060.460</u>

Tài sản thiếu chờ xử lý là số dư các khoản phải thu thương mại chủ yếu phát sinh từ trước năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
01/01/2013	9.795.951.146	338.321.331	4.394.998.316	2.982.933.854	669.232.000	18.181.436.647
Mua trong năm	201.018.229	54.190.000	-	110.736.000	-	365.944.229
Phân loại lại	(41.123.760)	(29.952.261)	(24.000.000)	(1.152.943.746)	(65.150.000)	(1.313.169.767)
31/12/2013	9.955.845.615	362.559.070	4.370.998.316	1.940.726.108	604.082.000	17.234.211.109
Gía trị hao mòn lũy kế						
01/01/2013	5.788.550.265	238.327.150	2.794.098.002	1.715.918.710	368.112.582	10.905.006.709
Chi phí khấu hao	592.962.785	38.915.673	281.620.651	268.412.072	59.299.105	1.241.210.286
Phân loại lại	(23.074.755)	(23.140.960)	(24.000.000)	(846.630.104)	(65.150.000)	(981.995.819)
31/12/2013	6.358.438.295	254.101.863	3.051.718.653	1.137.700.678	362.261.687	11.164.221.176
Gía trị còn lại						
01/01/2013	4.007.400.881	99.994.181	1.600.900.314	1.267.015.144	301.119.418	7.276.429.938
31/12/2013	3.597.407.320	108.457.207	1.319.279.663	803.025.430	241.820.313	6.069.989.933

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình (phương tiện vận tải) có giá trị còn lại là 887.998.640 VND (31/12/2012: 1.042.739.936 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 2.971.376.482 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 2.764.126.146 VND).

Việc phân loại lại các tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu đồng được thực hiện theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
01/01/2013	1.633.223.600	1.308.604.700	2.941.828.300
Phân loại lại	-	(42.000.000)	(42.000.000)
31/12/2013	1.633.223.600	1.266.604.700	2.899.828.300
Gía trị hao mòn lũy kế			
01/01/2013	1.255.846.238	538.781.043	1.794.627.281
Khấu hao trong năm	65.406.804	153.421.299	218.828.103
Phân loại lại	-	(42.000.000)	(42.000.000)
31/12/2013	1.321.253.042	650.202.342	1.971.455.384
Gía trị còn lại			
01/01/2013	377.377.362	769.823.657	1.147.201.019
31/12/2013	311.970.558	616.402.358	928.372.916

Việc phân loại lại các tài sản cố nguyên giá dưới 30 triệu đồng được thực hiện theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ tài chính.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Kho Thủ Đức	445.341.362	445.341.362
Nhà 76 Sương Nguyệt Ánh	2.440.591.964	446.632.560
Chi phí tư vấn Oracle EBS	138.568.339	138.568.339
	3.024.501.665	1.030.542.261
	Năm 2013	Năm 2012
Biến động của xây dựng cơ bản dở dang	VND	VND
Số dư đầu năm	1.030.542.261	891.973.922
Tăng trong năm	1.993.959.404	138.568.339
Số dư cuối năm	3.024.501.665	1.030.542.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.12 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad (SALENOPTIC)	1.326.000.000	1.326.000.000
	1.326.000.000	1.326.000.000

Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn Leningrad (SALENOPTIC) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310464650 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 6,63 tỷ đồng. Trong đó, Công ty nắm giữ 132.600 cổ phiếu, tương đương 20% quyền biểu quyết. Hoạt động chính của SALENOPTIC là sản xuất, gia công, lắp ráp các loại kính đeo mắt; cung ứng sỉ và lẻ các loại gọng kính, tròng kính, kính mát, kính tiếp xúc mềm, các sản phẩm liên quan đến kính đeo mắt.

4.13 Chi phí trả trước dài hạn

	01/01/2013 VND	Tăng trong năm VND	Phân bổ trong năm VND	31/12/2013 VND
Chi phí cải tạo	-	490.630.119	(136.357.268)	354.272.851
Dụng cụ văn phòng	4.853.093	472.972.901	(167.976.655)	309.849.339
	4.853.093	963.603.020	(304.333.923)	664.122.190

4.14 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Chi phí trích trước	122.106.629	1.011.355.591
Dự phòng phải thu khó đòi	372.240.090	166.108.865
	494.346.719	1.177.464.456

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Biến động của tài sản thuế hoãn lại		
Số dư đầu năm	1.177.464.456	793.510.124
(Chi phí)/Thu nhập thuế TNDN hoãn do giảm/(tăng) chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(683.117.737)	383.954.332
Số dư cuối năm	494.346.719	1.177.464.456

4.15 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	114.000.000	114.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.16 Vay và nợ ngắn hạn

	Nguyên tệ	31/12/2013		Nguyên tệ	01/01/2013		Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
		Tương đương VND	Tương đương VND		Tương đương VND	Tương đương VND		
Vay ngắn hạn Ngân hàng ("NH")								
NH TMCP Phát triển Nhà	VND		19.488.362.646		-		8,5 - 9,5	Hàng tồn kho
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND		59.350.686.467		32.211.721.127		9	Toàn bộ tiền gửi, phải thu, hàng tồn kho.
NH TMCP Quân Đội	EUR	110.278,00	3.185.902.748	-	-		6,5	Hàng hóa nhập ủy thác và toàn bộ khoản phải thu.
	USD	1.477.662,61	31.156.516.131	-	-		6,5	
	VND		25.618.567.498		43.833.063.930		8,5 - 10,5	
NH TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	EUR	-	-	59.822,74	1.637.405.227			Tín chấp
	USD	-	-	1.220.240,10	25.399.297.869			
	VND		34.498.242.010		-		6,5	
NH Petrolimex	VND		1.827.165.192		29.430.121.565		7,8	Hàng tồn kho
Vay cá nhân	VND		3.710.000.000		-		-	Không có tài sản đảm bảo
Nợ dài hạn đến hạn trả								
NH TMCP Quân Đội	VND		361.517.332		-		10,5	Xem thuyết minh 4.23
			179.196.960.024		132.511.609.718			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.17 Phải trả người bán

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Bên thứ ba		
Phải trả tiền hàng tự doanh	53.835.865.486	61.772.122.536
Phải trả tiền hàng ủy thác nhập khẩu	263.612.412.575	223.083.731.488
	317.448.278.061	284.855.854.024

4.18 Người mua trả tiền trước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Bên thứ ba		
Ứng trước tiền mua hàng hóa	9.491.903.660	10.608.544.256
Ứng trước tiền hàng ủy thác nhập khẩu	53.108.040.997	55.142.488.751
	62.599.944.657	65.751.033.007

4.19 Thuế và các khoản phải thu / phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	226.953.772	-
Thuế thu nhập cá nhân	61.403.856	-
Thuế xuất nhập khẩu	132.417.926	-
Khác	-	8.882.280
	420.775.554	8.882.280
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng	-	3.152.760.316
Thuế nhập khẩu	-	97.600.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp	746.913.262	380.533.699
Thuế thu nhập cá nhân	-	35.688.724
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	451.605.000	-
Khác	9.107.070	15.396.904
	1.207.625.332	3.681.979.756

4.20 Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Chi phí hoa hồng	317.276.912	397.295.776
Tiền thưởng	-	1.486.985.166
Điện, nước, điện thoại	70.439.891	44.171.220
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	148.050.000	65.724.750
Chi phí thuê kho	-	156.712.800
Phí marketing	11.216.442	319.389.000
Khác	8.046.885	1.575.143.651
	555.030.130	4.045.422.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

4.21 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.263.867.592	1.492.920
Kinh phí công đoàn	109.532	47.673.660
Bảo hiểm xã hội	26.547.317	-
Bảo hiểm y tế	-	488.961.083
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.582.405.145	3.841.612.727
Cổ tức	498.934.000	498.934.000
Công ty Claris	-	1.436.945.314
Văn phòng đại diện Công ty Dược CCL	451.078.746	681.395.482
Các khoản phải trả, phải nộp khác	337.915.720	694.526.298
	15.160.858.052	7.691.541.484

Tài sản thừa chờ giải quyết là số dư các khoản phải trả thương mại và ứng trước của khách hàng chủ yếu phát sinh từ trước năm 2011.

4.22 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	241.000.000	241.000.000

4.23 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngân hàng	723.033.737	-

Đây là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội với lãi suất 10.5% trong thời hạn ba (3) năm nhằm mua sắm tài sản và cải tạo văn phòng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ vốn vay.

4.24 Vốn chủ sở hữu

(i) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.800.000	2.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.800.000	2.800.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.800.000	2.800.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND	10.000 VND

Cổ phiếu ưu đãi: không có

005-C
NH
NHH
ÁN
MINH
CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
181 đường Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(ii) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	28.000.000.000	(2.072.193.691)	6.116.793.854	2.305.445.477	6.567.818.849	40.917.864.489
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	9.907.277.137	9.907.277.137
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	558.988.374	-	(558.988.374)	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	399.277.410	(399.277.410)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi						
- Theo NQ Đại hội Cổ đông năm 2011	-	-	-	-	(1.597.109.640)	(1.597.109.640)
- Tạm trích năm 2012	-	-	-	-	(815.696.160)	(815.696.160)
Thù lao Hội đồng Quản trị						
- Trích bổ sung theo NQ Đại hội Cổ đông năm 2011	-	-	-	-	(229.587.585)	(229.587.585)
- Tạm trích năm 2012	-	-	-	-	(275.421.837)	(275.421.837)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.280.000.000)	(7.280.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	2.072.193.691	-	-	-	2.072.193.691
Tại ngày 31/12/2012	28.000.000.000	-	6.675.782.228	2.704.722.887	5.319.014.980	42.699.520.095
Tại ngày 01/01/2013	28.000.000.000	-	6.675.782.228	2.704.722.887	5.319.014.980	42.699.520.095
Lãi năm hiện hành	-	-	-	-	10.544.584.760	10.544.584.760
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	693.509.400	-	(693.509.400)	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	95.277.113	(95.277.113)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi						
- Trích bổ sung theo NQ Đại hội cổ đông năm 2012	-	-	-	-	(1.165.759.268)	(1.165.759.268)
- Tạm trích năm 2013	-	-	-	-	(1.241.424.286)	(1.241.424.286)
Thù lao HĐQT và BKS						
- Trích bổ sung theo NQ Đại hội cổ đông năm 2012	-	-	-	-	(120.869.248)	(120.869.248)
- Tạm trích năm 2013	-	-	-	-	(482.087.147)	(482.087.147)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	28.000.000.000	-	7.369.291.628	2.800.000.000	9.264.673.278	47.433.964.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

(iii) Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông của Công ty vào 25 tháng 5 năm 2013, cổ tức của năm tài chính 2012 là 5,32 tỷ đồng (19% hay 1.900 VND / cổ phiếu). Trong đó, cổ tức đã tạm ứng trong năm 2012 là 5,04 tỷ đồng và chi trả trong năm 2013 là 280 triệu đồng.

Theo thông báo số 0738/2013/ YTC-NSHC của Hội đồng Quản trị ngày 22 tháng 7 năm 2013, cổ tức năm 2013 được tạm chia theo tỷ lệ là 9% tương ứng với 2,52 tỷ VND.

Cổ tức được công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm là 9% (theo thông báo số 0066/2014/ YTC-NSHC của Hội đồng Quản trị ngày 13 tháng 1 năm 2014).

(iv) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển và Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng hóa	451.229.811.002	401.533.442.065
Doanh thu phí ủy thác	18.550.594.101	12.734.228.178
Doanh thu cho thuê	1.003.905.000	1.160.404.286
	470.784.310.103	415.428.074.529
Hàng bán bị trả lại	(2.808.806.811)	(806.253.618)
Doanh thu thuần	467.975.503.292	414.621.820.911

5.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn của hàng hóa	419.030.840.050	360.479.206.994
Giá vốn hàng hóa bị hủy	-	283.378.524
(Hoàn nhập dự phòng) / Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(243.713.234)	555.979.993
	418.787.126.816	361.318.565.511



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.3 Doanh thu tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	637.452.604	221.264.128
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.197.503.041	2.971.331.384
Lãi bán hàng trả chậm	4.419.746.542	4.565.169.365
	7.254.702.187	8.791.196.711

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền vay	14.370.661.462	16.503.623.911
Chi phí tài chính khác	1.099.098	10.549.506
	14.371.760.560	16.514.173.417

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên	10.376.653.788	10.625.183.004
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	806.599.689	348.555.825
Chi phí khấu hao TSCĐ	846.218.441	889.265.798
Chi phí thuê	374.297.020	867.275.722
Chi phí điện, nước, điện thoại	436.420.540	346.255.323
Công tác phí	76.597.988	94.940.631
Chi phí nghiên cứu, phát triển thị trường	297.313.402	771.109.441
Phí bảo lãnh dự thầu	367.192.074	416.093.762
Phí giao hàng	720.276.054	1.029.780.901
Hồ sơ thầu	141.339.091	145.848.045
Phí kiểm nghiệm hàng hóa	142.049.972	264.337.630
Chiết khấu	659.887.281	1.032.079.635
Chi phí cải tạo	77.713.110	-
Khác	999.382.853	1.479.052.303
	16.321.941.303	18.309.778.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.429.147.284	5.998.399.950
Chi phí khấu hao TSCĐ	613.819.948	596.575.727
Thuế, phí và lệ phí	51.221.214	-
Chi phí dự phòng	1.027.564.948	445.944.730
Phí ngân hàng	3.147.246.318	2.684.525.319
Công tác phí	375.867.153	240.165.903
Đồng phục	270.407.500	151.796.318
Chi phí bảo hiểm	239.278.344	316.531.890
Chi phí hội họp	78.558.000	135.166.191
Chi phí điện, nước, điện thoại	810.126.654	654.481.595
Chi phí đồ dùng văn phòng	452.667.178	395.016.480
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	301.704.000	346.055.000
Chi phí thuê	1.406.119.220	583.969.872
Chi phí sửa chữa	259.255.992	229.070.512
Chi phí trợ cấp nghỉ việc	108.094.915	-
Chi phí khác	2.867.473.116	2.874.918.754
	17.438.551.784	15.652.618.241

5.7 Thu nhập khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	3.350.000
Thu từ thanh lý hàng hóa	23.725.000	36.980.000
Thu phí lưu kho	104.210.781	67.113.905
Thu phí kiểm nghiệm	-	10.360.000
Thu phí vận chuyển	107.718.067	118.541.436
Khoản hỗ trợ chi phí kinh doanh	618.730.672	1.372.781.541
Khoản hỗ trợ giá	4.890.315.763	-
Thu nhập khác	263.333.550	206.985.999
	6.008.033.833	1.816.112.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14.270.328.236	13.337.644.181
Thuế suất chung	25%	25%
Thuế tính theo thuế suất chung của Công ty	3.567.582.059	3.334.411.045
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế vĩnh viễn	12.805.304	24.678.724
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế tạm thời	(541.822.003)	383.954.332
Ảnh hưởng của thu nhập không tính thuế	(39.530.455)	-
	2.999.034.905	3.743.044.101
Dự phòng thiếu trong những năm trước	43.590.834	71.277.275
	3.042.625.739	3.814.321.376

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá mua hàng hóa	418.787.126.816	361.318.565.511
Chi phí nhân công	15.805.801.072	16.623.582.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.460.038.389	1.485.841.525
Chi phí dự phòng	1.027.564.948	445.944.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.766.413.310	7.255.831.757
Chi phí khác bằng tiền	8.700.675.368	8.151.195.295
	452.547.619.903	395.280.961.772

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Năm 2013	Năm 2012
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(VND)	10.544.584.760	9.907.277.137
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	(VND)	-	-
		10.544.584.760	9.907.277.137
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	(Cổ phiếu)	2.800.000	2.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(VND/cổ phiếu)	3.766	3.538

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

6.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền và tiền gửi ngân hàng	(ii)	50.425.593.570	19.551.898.428
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	447.191.970.558	393.463.674.145
		<u>497.617.564.128</u>	<u>413.015.572.573</u>

(ii) Tiền và tiền gửi ngân hàng

Tiền và tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các tài sản tài chính này.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, ngoài số dư phòng đã lập, Công ty không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

3133
CH
CÔNG
KIẾ
TÀI TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng / Hoạt động tự doanh	105.117.894.852	84.647.718.817
Phải thu khách hàng / Hoạt động ủy thác	328.879.494.215	298.566.427.086
Trừ: Dự phòng	<u>(1.803.869.660)</u>	<u>(802.147.638)</u>
	<u>432.193.519.407</u>	<u>382.411.998.265</u>
Phải thu khác	13.194.581.491	10.249.528.242
Trừ: Dự phòng	<u>(907.536.538)</u>	<u>(881.693.612)</u>
	<u>12.287.044.953</u>	<u>9.367.834.630</u>

Các khoản phải thu khách hàng của hoạt động ủy thác có liên quan đến các khoản phải trả người bán của hoạt động ủy thác. Hiện nay, rủi ro tín dụng được chú trọng hơn đối với hoạt động tự doanh. Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng Công ty cho rằng không giảm giá tại thời điểm cuối năm đối với hoạt động tự doanh như sau:

Quá hạn từ 6 tháng - 1 năm	60.329.396.365
Quá hạn từ trên 1 năm - 2 năm	5.838.982.510
Quá hạn từ trên 2 năm - 3 năm	1.446.695.996
Quá hạn trên 3 năm	<u>322.342.255</u>
	<u>67.937.417.126</u>

6.2 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Trong 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Phải trả thương mại và phải trả khác	332.850.136.113	332.609.136.113	241.000.000
<i>Trong đó, phải trả thương mại / hoạt động ủy thác</i>	<i>263.612.412.575</i>		
Vay	179.919.993.761	179.196.960.024	723.033.737
Phải trả người lao động	1.572.829.542	1.572.829.542	-
Chi phí phải trả	<u>555.030.130</u>	<u>555.030.130</u>	-
	<u>514.897.989.546</u>	<u>513.933.955.809</u>	<u>964.033.737</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

6.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán (VND) của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Dollar Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các khoản (nợ phải trả) / tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	USD	EUR	SGD	JPY
Tài sản tài chính				
Tiền	327.673	552	-	-
Phải thu khách hàng	12.513.273	111.352	44.089	-
Phải thu khác	206.630	-	-	-
Nợ tài chính				
Phải trả thương mại	(12.703.657)	(392.936)	(44.089)	(475.040)
Vay ngắn hạn	(1.477.663)	(110.278)	-	-
(Nợ phải trả) / Tài sản tiền tệ thuần	<u>(1.133.744)</u>	<u>(391.310)</u>	<u>-</u>	<u>(475.040)</u>

(ii) Rủi ro lãi suất

Công ty phải chịu rủi ro biến động tỷ giá từ các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Vay ngắn hạn	<u>(179.196.960.024)</u>	<u>(132.511.609.718)</u>

6.4 Giá trị hợp lý

Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính để trình bày theo điều khoản 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường tập trung không sẵn có đối với tài sản tài chính và khoản nợ phải trả tài chính; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp các chỉ dẫn về đánh giá giá trị hợp lý trong trường hợp niêm yết trên thị trường tập trung chưa sẵn có. Giá trị hợp lý của khoản nợ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

(i) Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
SALENOPTIC	Cổ tức	158.121.819	-
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.447.743.193	744.178.497

(ii) Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
SALENOPTIC	Phải thu cổ tức	158.121.819	-

7.2 Tài sản thuê hoạt động

Thuê văn phòng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động nhà làm văn phòng của hai chi nhánh được trình bày như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	1.223.197.800	289.800.000
Trên 1 đến 5 năm	4.892.791.200	837.711.000
	6.115.989.000	1.127.511.000

Thuê đất

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty được thuê đất để làm văn phòng trụ sở chính và nhà kho trong thời gian từ ngày 01 tháng 8 năm 2001 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046 (44 năm 5 tháng). Tiền thuê đất ở các lô đất này sẽ do Chi cục thuế quận gửi thông báo vào mỗi năm. Trong năm 2013, tiền thuê đất như sau:

Lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá thuê đất (VND/m ² /năm)	Chi phí thuê đất (VND/năm)
Văn phòng chính tại số 181 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, TP. HCM	1.463	369.600	540.724.800
Kho 76 Sương Nguyệt Ánh, quận 1, TP. HCM	782	200.400	156.712.800
Kho Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. HCM	8.745	26.400	230.868.000
	10.990		928.305.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

7.3 Thông tin khác

Khoản phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, trong số dư các khoản phải thu khách hàng bao gồm 28,5 tỷ đồng là khoản phải thu Công ty Cổ phần Dược phẩm Cần Giờ (viết tắt "Công ty Cần Giờ"). Đây là khoản phải thu phát sinh từ năm 2009-2010 và đến nay đã quá hạn thanh toán. Trong năm 2013, Công ty Cần Giờ đã thanh toán 1 tỷ đồng cho Công ty. Vì vậy, số dư khoản phải thu này, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, còn lại 27,5 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm 2013, Công ty Cần Giờ ký Hợp đồng bán hàng và Phụ lục số 20_1/2013/CGP-YTECO ngày 10 tháng 10 năm 2013 với giá trị 1,2 tỷ đồng với điều kiện thanh toán là sẽ dùng 30% giá trị của hợp đồng để thanh toán cho khoản nợ nêu trên. Công ty Cần Giờ đã giao hàng hai lần với tổng giá trị 572 triệu đồng theo hợp đồng bán hàng này. Vì vậy, cùng với việc căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 và 2013, Ban lãnh đạo Công ty Cần Giờ đã xây dựng một phương án trả nợ cho Công ty thông qua việc thanh toán bằng tiền và cản trừ tiền bán hàng hóa cho Công ty, trong vòng bảy (7) năm bắt đầu từ năm 2014 cho đến năm 2020 như sau:

	Thanh toán bằng tiền (triệu đồng/tháng)	Cản trừ tiền bán hàng (triệu đồng/tháng)	Tổng thanh toán trong 1 tháng (triệu đồng/tháng)	Tổng thanh toán trong 1 năm (triệu đồng/năm)
Năm 2014	120	170	290	3.480
Năm 2015	120	170	290	3.480
Năm 2016	150	170	320	3.840
Năm 2017	150	170	320	3.840
Năm 2018	180	170	350	4.200
Năm 2019	180	170	350	4.200
Năm 2020	180	180	360	4.320
Tổng thanh toán sau 7 năm				27.360

Thực tế trong Quý 1 năm 2014, Công ty Cần Giờ đã trả tiền 360 triệu đồng cho Công ty và giao thêm ba đợt hàng với tổng giá trị 250 triệu đồng theo Hợp đồng bán hàng và Phụ lục số 20_1/2013/CGP-YTECO.

Dựa trên tình hình thực tế và phân tích phương án trả nợ nêu trên, Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty vẫn có khả năng thu hồi được 27,5 tỷ đồng (số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013) từ Công ty Cần Giờ và không trích lập dự phòng khoản phải thu này.



TRỊNH ĐẠO CUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN HẢI HÀ
Kế toán trưởng

PHẠM THANH TUYỀN
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2014